

Số: 33/2021/HNGĐ - ST  
Ngày 30 tháng 9 năm 2021  
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Hồng Phúc và ông Hoàng Văn Khảm.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Vũ Văn Tiệp là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2021/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2021, về việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021 giữa, các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Hoài A, sinh năm 1991 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi ở hiện nay: Thôn Phù Lưu, xã Tam Hồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

*Bị đơn:* Anh Trịnh Văn T, sinh năm 1986 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 7 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị Hoài A trình bày:

Chị và anh Trịnh Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Tam Hồng, huyện Yên Lạc vào ngày 26 tháng 10 năm 2011. Sau ngày cưới, chị về làm dâu nhà anh T ngay. Vợ chồng ở chung cùng với gia đình anh T được khoảng 01 tháng thì chuyển ra ở riêng. Ban đầu tình cảm vợ chồng bình thường, từ tháng 7/2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn

trầm trọng và sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Chị xác định, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do, trong cuộc sống hàng ngày, giữa chị và anh T thường xuyên bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung nên cả hai người đều không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau dẫn đến thiếu sự chia sẻ. Từ khoảng năm 2018, chị và anh T đã không còn làm ăn chung, ai có việc người đó làm, ai có tiền người đó tiêu. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Bị đơn, anh Trịnh Văn T trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Anh thừa nhận thời gian kết hôn, thời gian chung sống và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn như lời chị A trình bày ở trên là đúng. Tuy nhiên, theo anh thì thực tế vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức độ trầm trọng dẫn đến vợ chồng phải ly hôn nhau. Vì vậy, chị A xin ly hôn, anh không đồng ý. Anh đề nghị Tòa án cho anh xin được đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau về nuôi dạy các con.

Tại buổi hòa giải ngày 31/8/2021, anh T đã đồng ý ly hôn với chị A nhưng anh T bỏ về không ký biên bản hòa giải.

Về con chung: Chị A và anh T đều xác định, vợ chồng có 02 con chung là cháu Trịnh L, sinh ngày 14/4/2015 và cháu Trịnh Minh P, sinh ngày 15/9/2017, hiện tại cả hai cháu đang ở với anh T. Ly hôn, chị A đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, đề nghị anh T có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu P. Anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Hai bên không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo chị A, hiện tại chị đang làm công nhân tại công ty TNHH SEOV ở khu công nghiệp Bắc Thăng Long 3, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Thu nhập hàng tháng bình quân là 5.000.000đ/tháng.

Theo anh T, hiện tại anh đang làm thợ cơ khí tại địa phương, thu nhập khoảng 13.000.000đ/tháng.

Tại buổi hòa giải ngày 31/8/2021, anh T và chị A đã thống nhất chị A được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu L; anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu P. Hai bên không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, anh T bỏ về không ký biên bản hòa giải.

Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay, đất canh tác và công sức đóng góp: Chị A và anh T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn không có mặt, không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nên Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị Hoài A và cho chị A được ly hôn với anh Trịnh Văn T.

Về con chung: Giao cho chị A được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trịnh L, sinh ngày 14/4/2015; giao cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trịnh Minh P, sinh ngày 15/9/2017, cho đến khi các con thành niên. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom không ai được cản trở.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị A và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị A phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Chị Đỗ Thị Hoài A là nguyên đơn, yêu cầu xin ly hôn đối với anh Trịnh Văn T là bị đơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp ly hôn, nuôi con. Anh T, hiện đang cư trú tại xã Tam Hồng, huyện Yên Lạc nên căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

- Anh Trịnh Văn T là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị A xác định, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, còn anh T thì xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên xin đoàn tụ, khi thấy chị A kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng buông xuôi đồng ý và bỏ về không ký biên bản hòa giải. Căn cứ vào lời trình bày của chị A, anh T trong quá trình giải quyết vụ án, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và kết quả xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án tại địa phương, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị A và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Hồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc nên cần xác định cuộc hôn nhân của anh chị là cuộc hôn nhân hoàn toàn hợp pháp. Quá trình chung sống, chị A anh T đều thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đang sống ly thân nhau. Trong thời gian sống ly thân, cả anh và chị đều không ai muốn cố gắng hàn gắn lại tình cảm. Chị A xin ly hôn, ban đầu anh T không đồng ý xin đoàn tụ nhưng anh T lại không có biện pháp gì để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, thấy chị A kiên quyết muốn ly hôn thì anh T cũng buông xuôi đồng ý và không muốn níu kéo. Chứng tỏ, tình cảm vợ chồng giữa chị A anh T mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị A là có căn cứ nên cần chấp nhận và cho chị A được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị A anh T đều xác định, vợ chồng có 02 con chung là cháu Trịnh L, sinh ngày 14/4/2015 và cháu Trịnh Minh P, sinh ngày 15/9/2017, hiện nay cả hai cháu đang ở với anh T.

Ly hôn, chị A có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu L và giao cháu P cho anh T nuôi dưỡng. Anh T có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con. Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Tại buổi hòa giải ngày 31/8/2021, anh T và chị A đã thống nhất thỏa thuận, chị A được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu L còn anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu P. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Căn cứ vào nguyện vọng xin nuôi con của anh T và chị A, mức thu nhập hàng tháng của anh chị Ahi thấy, việc nuôi dạy con là quyền và cũng là nghĩa vụ của cả cha lẫn mẹ, anh T và chị A đều có nguyện vọng xin được nuôi con đây là

nguyện vọng chính đáng. Hiện tại, mức thu nhập hàng tháng của chị A 5.000.000đ/tháng, của anh T 13.000.000đ/tháng, với mức thu nhập trên của chị A và anh T đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con. Anh T xin được nuôi cả 02 con, chị A xin được nuôi cháu L. Tuy nhiên, ngày 31/8/2021 anh chị đã thống nhất giao cho mỗi người nuôi một con, chị A nuôi cháu L, anh T nuôi cháu P. Mặc dù anh T không ký biên bản hòa giải tự ý bỏ về nhưng xét thấy, anh chị Ahồng nhất chia con như trên là phù hợp với Điều 81 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử sẽ giao cháu L cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu P cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Do không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay, đất canh tác và công sức đóng góp: Chị A và anh T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị A phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị A đã nộp đủ.

Quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị Hoài A được ly hôn với anh Trịnh Văn T.

2/ Về con chung: Giao cháu Trịnh L, sinh ngày 14/4/2015 cho chị Đỗ Thị Hoài A được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Trịnh Minh P, sinh ngày 15/9/2017 cho anh Trịnh Văn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cho đến khi các con thành niên. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Chị Đỗ Thị Hoài A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án

phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001548 ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Xác nhận chị A đã nộp đủ.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Tam Hồng;
- Lưu HS, VT;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bích Hạnh**